

THỰC HÀNH

MỘT SỐ PHÉP TU TỪ CÚ PHÁP

BÀI TẬP

I. PHÉP LẬP CÚ PHÁP

1. Bài tập 2, trang 151, SGK.
2. Xác định phép lập cú pháp (phối hợp với phép đối) và phân tích tác dụng của nó trong đoạn thơ sau :

*Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân,
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung.
Bốn bề bát ngát xa trông,
Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia.*

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

3. Phân tích tác dụng của sự phối hợp giữa phép lập cú pháp và phép đối trong đoạn thơ sau :

*Anh lên xe, trời đổ cơn mưa
Cái gạt nước xua đi nỗi nhớ
Em xuống núi, nắng về rục rờ
Cái nhành cây gạt mối riêng tư.*

(Phạm Tiến Duật, *Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây*)

II. PHÉP LIỆT KÊ

1. Bài tập trang 152, SGK.
2. Phân tích tác dụng của phép liệt kê trong đoạn trích sau :

Bao nhiêu anh ngã trên trận tuyến tiếp theo, bao nhiêu anh trước vùi xương trên những đất đi cày, bao nhiêu chị bị xẻo thịt, bao nhiêu người cầm bút bị bịt miệng lời ra trường bán, mắt trừng trừng nhìn kẻ thù, bao nhiêu anh, bao nhiêu chị, con cháu những mẹ vệ quốc quân, bao nhiêu những Nguyễn, Trần, Lê,... nhẫn nại, nhịn nhục, chịu thương, chịu khó, đau đớn, căm thù, yêu thương, anh dũng.

(Theo Nguyễn Đình Thi, *Nhận đường*)

III. PHÉP CHÊM XEN

1. Bài tập 1, trang 152 – 153, SGK.

2. Phân tích tác dụng của phép chêm xen trong những câu sau :

a) *Chị Sứ yêu biết bao nhiêu cái chốn này, nơi chị đã oa oa cất tiếng khóc đầu tiên, nơi quả ngọt trái sai đã thấm hồng da dẻ chị.*

(Anh Đức, *Hòn Đất*)

b) *Cô gái như chùm hoa lặng lẽ
Nhờ hương thơm nói hộ tình yêu.
(Anh vô tình anh chẳng biết điều
Tôi đã đến với anh rồi đấy...)*

(Phan Thị Thanh Nhàn, *Hương thầm*)

c) *Bác nhớ miền Nam, nổi nhớ nhà
Miền Nam mong Bác, nổi mong cha*

(Tố Hữu, *Bác ơi !*)

GỢI Ý LÀM BÀI

I. PHÉP LẬP CÚ PHÁP

1. So sánh và rút ra nhận xét :

– Điểm giống nhau : Tất cả đều sử dụng phép lập kết cấu cú pháp.

– Điểm khác nhau :

+ Về số lượng tiếng : Ở câu đối, thơ Đường luật, văn biền ngẫu (và ở nhiều câu tục ngữ), số lượng tiếng trong câu trước (hoặc vế trước) và câu sau (hoặc vế sau) phải bằng nhau. Trong văn xuôi và thơ tự do thì những câu lập kết cấu cú pháp với nhau không nhất thiết phải có số lượng tiếng bằng nhau tuyệt đối.

+ Về từ loại và cấu tạo của các từ : Ở câu đối, thơ Đường luật, văn biền ngẫu (và ở nhiều câu tục ngữ), trong những câu (hoặc vế câu) lập kết cấu cú pháp với nhau, các từ tương ứng phải cùng từ loại, cùng kiểu cấu tạo từ (ví dụ : *vắng vẻ* và *lao xao* cùng là tính từ, cùng là từ láy,...). Trong văn xuôi và thơ tự do, ở những câu lập kết cấu cú pháp, sự đối xứng về từ loại và cấu tạo từ không nhất thiết ở mức độ

nghiêm ngặt tuyệt đối (ví dụ : hai câu “Những ngã đường bát ngát” và “Những dòng sông đỏ nặng phù sa” có kết cấu cú pháp giống nhau, nhưng phần định ngữ ở câu trước là một từ láy, 2 âm tiết – *bát ngát*, còn ở câu sau là một cụm từ gồm 4 âm tiết – *đỏ nặng phù sa*).

+ Về nhịp điệu : Trong câu đối, thơ Đường luật, văn biền ngẫu (và ở nhiều câu tục ngữ), ở những câu (hoặc vế câu) lặp kết cấu cú pháp thì kết cấu nhịp điệu cũng lặp lại ở mức độ rõ ràng (ví dụ : trong hai câu “Ta đại, ta tìm nơi vắng vẻ – Người khôn, người đến chốn lao xao”, kết cấu nhịp điệu đều là 2/5 hoặc 2/2/3). Trong văn xuôi, thơ tự do, ở những câu lặp kết cấu cú pháp, kết cấu nhịp điệu không nhất thiết lặp lại.

2. Trong đoạn thơ có 2 lần dùng phép lặp cú pháp (phối hợp với phép đối) :

– *Vẻ non xa / tấm trắng gần*. Cả hai đều là hai cụm danh từ có kết cấu cú pháp giống nhau : danh từ chỉ đơn vị (*vẻ, tấm*), danh từ chỉ vật thể (*non, trắng*), tính từ (*xa, gần*).

– *Cát vàng cồn nọ / bụi hồng dặm kia*. Cả hai đều là kết cấu chủ – vị :

C : các cụm danh từ gồm danh từ chỉ vật và tính từ chỉ màu (*cát vàng, bụi hồng*).

V : các cụm danh từ gồm danh từ chỉ vật và đại từ chỉ định (*cồn nọ, dặm kia*).

Tác dụng chung của phép lặp cú pháp trong đoạn thơ này : khắc hoạ khung cảnh rộng lớn của thiên nhiên bên ngoài (có sự gần gũi, tình cảm của vạn vật : “Vẻ non xa tấm trắng gần ở chung”, có cả sự ồn ào sôi động của cuộc sống : “bụi hồng dặm kia”) để đối lập với cái cô đơn, nhỏ bé của nàng Kiều trong lầu Ngung Bích.

3. Đoạn thơ phối hợp phép điệp cú pháp và phép đối :

– Câu 1 và câu 3, câu 2 và câu 4 lặp kết cấu cú pháp.

– Hai cặp câu thơ (cặp thứ nhất gồm câu 1 và câu 2, cặp thứ hai gồm câu 3 và câu 4) đối nhau về ý, về lời.

Sự phối hợp đó vừa thể hiện được quan hệ giữa hai người (*anh* và *em*), tâm trạng của mỗi người lúc chia tay, vừa nói lên được nhiệm vụ riêng của mỗi người trong cuộc kháng chiến chung của dân tộc.

II. PHÉP LIỆT KÊ

1. a) Trong đoạn trích từ *Hịch tướng sĩ*, phép liệt kê phối hợp với phép lặp cú pháp. Nhiều vế câu nối tiếp theo cùng một kiểu kết cấu. Mỗi vế bao gồm 2 phần.

Ví dụ : Không có mặc thì ta cho áo
 hoàn cảnh giải pháp

Phép liệt kê phối hợp với phép lặp ở đoạn này có tác dụng nhấn mạnh và khẳng định sự đối đãi chu đáo, đầy tình nghĩa của Trần Quốc Tuấn đối với tướng sĩ.

b) Đoạn văn dùng phối hợp nhiều phép tu từ : lặp từ ngữ (*chúng, ta*), lặp kết cấu cú pháp của các câu văn (phần lớn đều có kết cấu chủ ngữ – vị ngữ – phụ ngữ) và phép liệt kê (mỗi câu văn vạch một tội ác của kẻ thù). Sự phối hợp như vậy đạt được hiệu quả mạnh mẽ : Đoạn văn như một bản cáo trạng “chỉ mặt vạch tên” những tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân ta.

2. Trong đoạn văn, tác giả liệt kê nhiều sự vật, nhiều hoạt động, tính chất,... Hình thức thể hiện là các từ ngữ cùng từ loại, cùng kết cấu và tách biệt bằng những dấu phẩy.

Trong đoạn văn, phép liệt kê có tác dụng nói lên vô vàn những nỗi đau thương mà quân và dân ta đã phải chịu đựng, cùng những truyền thống yêu thương, quật cường của quân và dân ta trong suốt lịch sử đấu tranh bảo vệ đất nước.

III. PHÉP CHÊM XEN

1. – Các bộ phận in đậm trong đoạn (a), (b), (c), (d) có một số đặc điểm chung :

+ Đều ở giữa hoặc cuối câu, sau các từ ngữ cần chú giải.

+ Đều là những thành phần biệt lập, được chêm vào trong câu để bổ sung thêm một điều cần chú giải.

+ Đều được tách ra bằng ngữ điệu, trên chữ viết dùng dấu phẩy, dấu gạch ngang hoặc dấu ngoặc đơn.

– Về tác dụng :

+ Ở đoạn (a), bộ phận in đậm có tác dụng ghi chú thêm một chi tiết, đồng thời thể hiện sắc thái hài hước, châm biếm của tác giả.

+ Ở đoạn (b), nhấn mạnh sự “đáng sợ” của tình trạng cô độc.

+ Ở đoạn (c), thể hiện một cách kín đáo sắc thái cảm xúc của người kể chuyện đối với nhân vật và câu chuyện.

+ Ở đoạn (d), nêu rõ tư cách pháp nhân của người tuyên bố, do đó tăng thêm sức nặng cho lời tuyên bố về quyền độc lập của cả một dân tộc.

2. – Ở câu (a), có hai lần dùng phép chêm xen (bắt đầu bằng từ *nơi*).

Tác dụng : Ghi chú hai thông tin rất quan trọng về “cái chốn này”. Đó là nơi chị Sứ đã sinh ra và cũng là nơi nuôi dưỡng chị lớn lên và trưởng thành.

– Ở đoạn (b), phần chêm xen đặt trong ngoặc đơn.

Tác dụng : Thể hiện một cách kín đáo, tế nhị lời nói thầm kín của cô gái với chàng trai – hương thầm của chùm hoa là cách bộc lộ tình yêu của cô gái.

– Ở (c) Mỗi câu thơ đều có một thành phần chêm xen ở cuối câu và tách biệt bằng dấu phẩy. Với các thành phần chêm xen như vậy, hai câu thơ nói rõ được sắc thái tình cảm của Bác đối với miền Nam (như tình cảm của người con nhớ về gia đình mình khi ở xa), và tình cảm của miền Nam mong ước có ngày Bác về thăm (như nỗi mong nhớ đối với một người cha đi xa).